

Bản án số: 384/ 2018/HNGĐ -ST

Ngày: 02-5-2018

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Bà Nguyễn Thị Quý

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Như Khương- Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1156/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Tố T, sinh năm 1975

Địa chỉ: đường số A, khu phố B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Anh Đ, sinh năm: 1971

Địa chỉ: đường số A, khu phố B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2017, bản tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn Bà Phan Thị Tố T trình bày: Bà và Ông Phạm Anh Đ chung sống với nhau từ năm 1999 và đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ thường xuyên ăn nhậu, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gổ, dẫn đến đánh nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông Đ. Thời gian chung sống ông bà có 03 người con chung là Phạm Ngọc Kim N sinh ngày 18/10/2002; Phạm Ngọc Kim H sinh ngày 23/12/2010 và Phạm Huy H sinh ngày 08/4/2014, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cả 3 con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con .

Tài sản chung và nợ chung bà T xác định không có.

Bị đơn Ông Phạm Anh Đ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:

- Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của Bà Phan Thị Tố T, Ông Phạm Anh Đ (bản sao);

- Trích lục khai sinh của Phạm Ngọc Kim N; Phạm Ngọc Kim H và Phạm Huy H (bản sao);

- Giấy chứng nhận kết hôn số 155 quyền số 01 ngày 13/10/2009 do Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, quận Thủ Đức cấp (bản chính).

**Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có*

**Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:*

- Công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 208/LĐTB ngày 26/02/2018 của Phòng lao động thương binh và xã hội quận Thủ Đức

Đại diện Viện kiểm sát quận Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về mặt tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và con chung của Bà Phan Thị Tố T, tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Bà Phan Thị Tố T khởi kiện yêu cầu “Ly hôn” với Ông Phạm Anh Đ căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Đ cư trú tại quận Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho Ông Phạm Anh Đ, nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung:

Ông Phạm Anh Đ và Bà Phan Thị Tố T chung sống với nhau năm 1999, nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 155 quyền số 01 năm 2009 do Ủy ban nhân dân phường Trường T, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2009 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại Tòa, bà T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với Ông Phạm Anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông Đ chung sống với nhau từ năm 1999 và đăng ký kết hôn năm 2009, nhưng thực tế vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, căn cứ vào công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 208/TLĐTB ngày 26/02/2018 của Phòng lao động thương binh và xã hội quận Thủ Đức thì lời trình bày của bà T là có căn cứ, việc bà T ông Đ không còn chung sống với nhau, ông Đ không đến Tòa án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng điều này cho thấy ông không có ý chí hàn gắn hạnh phúc gia

đình, thiếu tôn trọng pháp luật nên căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà T và tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định bà và ông Đ có 03 người con chung: Phạm Ngọc Kim N sinh ngày 18/10/2002; Phạm Ngọc Kim H sinh ngày 23/12/2010 và Phạm Huy H hiện đang ở với bà T, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại Tòa, bà T xác định tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xét. Do ông Đ vắng mặt nên dành cho ông Đ quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung và nợ chung với bà T bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà Phan Thị Tố T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Tố T được ly hôn với Ông Phạm Anh Đ .

Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Kim N sinh ngày 18/10/2002; Phạm Ngọc Kim H sinh ngày 23/12/2010 và Phạm Huy H sinh ngày 08/4/2014 cho Bà Phan Thị Tố T nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận việc Bà Phan Thị Tố T xác định không có.

Ông Phạm Anh Đ được quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung và nợ chung với Bà Phan Thị Tố T bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu.

2-/ Về án phí: Bà Phan Thị Tố T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037432 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà T đã nộp đủ án phí, ông Đ không phải chịu án phí.

3-/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên, đối với Ông Phạm Anh Đ là 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hợp pháp bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKS ND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- UBND phường Trường Thọ;
- Các bên đ/sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Trọng Đan